

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

NGÀNH ĐÀO TẠO: NGÀNH QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI
Chuyên ngành: Quản lý đất đai

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN ĐĂNG KÝ THỐNG KÊ ĐẤT ĐAI (LAND REGISTRATION AND STATISTIC)

I. Thông tin về học phần

- Mã học phần: QL03025
- Học kì: 6
- Tín chỉ: 2 (Lý thuyết: 1,5– Thực hành: 0,5);
- Tự học: 4
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập
 - + Học lý thuyết trên lớp: 15 tiết
 - + Thuyết trình và thảo luận trên lớp: 7,5 tiết
 - + Thực hành trong phòng thực hành: 15 tiết
- Tự học: 60 tiết (theo kế hoạch cá nhân hoặc hướng dẫn của giảng viên)
- Đơn vị phụ trách:
 - + Bộ môn: Quản lý đất đai
 - + Khoa: Quản lý đất đai
- Học phần thuộc khối kiến thức:

Đại cương <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>					
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Chuyên sâu <input type="checkbox"/>	
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

- Học phần song hành: không
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: QL03028 – Quản lý Nhà nước về đất đai
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Anh Tiếng Việt

II. Mục tiêu và kết quả học tập mong đợi

* **Mục tiêu:** Học phần nhằm giúp người học đạt được:

- Giúp cho sinh viên nắm được mục đích và nội dung thực hiện trong việc xác lập mối quan hệ giữa cơ quan quản lý nhà nước với chủ sử dụng đất, chủ thể được giao quản lý đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất thông qua quá trình đăng ký đất đai và tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận, lập và quản lý hồ sơ địa chính; quản lý sử dụng đất theo các chi tiêu: mục đích sử dụng, đối tượng sử dụng, đối tượng quản lý, đơn vị hành chính, khu vực tổng hợp phục vụ cho quản lý của Nhà nước

- Giúp cho người học có được những kỹ năng căn bản trong việc vận dụng các quy định của nhà nước vào xét duyệt, phân loại nguồn gốc, tính chất và mức độ pháp lý liên quan đến đất và bất động sản và chủ sử dụng, chủ sở hữu; sinh viên sẽ nắm được cách lập, quản lý hồ sơ địa chính, tăng cường kỹ năng thống kê kiểm kê đất đai.

- Giúp sinh viên tiếp cận với những kiến thức thực tế trong quản lý đất đai thường xuyên, kích thích khả năng ham học hỏi và thích ứng với công việc chuyên môn.

*** Kết quả học tập mong đợi của học phần:**

Học phần đóng góp cho Chuẩn đầu ra sau đây của CTĐT theo mức độ sau:

1. Không đóng góp; 2. Có đóng góp; 3. Đóng góp nhiều

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT																	
		CDR 1	CDR 2	CD R3	CD R4	CD R5	CD R6	CDR7	CD R8	CDR 9	CD R10	CDR 11	CDR 12	CDR 13	CDR 14	CDR 15	CDR 16	CDR 17	CDR 18
QL03025	Đăng ký thống kê đất đai	1	1	1	3	1	1	1	1	2	1	2	1	2	3	3	3	2	2

Kí hiệu	KQHTMD của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên thực hiện được:	CDR của CTĐT
<i>Kiến thức</i>		
K1	Xây dựng bản đồ địa chính, bản đồ hiện trạng sử dụng đất và hệ thống thông tin đất đai	CDR3
K2	Áp dụng các kiến thức chính sách pháp luật, quản lý nhà nước về đất đai vào công tác quản lý và sử dụng đất xác lập mối quan hệ giữa cơ quan quản lý nhà nước với chủ sử dụng đất, chủ thể được giao quản lý đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất thông qua quá trình đăng ký đất đai và tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận, lập và quản lý hồ sơ địa chính; quản lý sử dụng đất theo các chi tiêu: mục đích sử dụng, đối tượng sử dụng, đối tượng quản lý, đơn vị hành chính, khu	CDR4

	vực tổng hợp phục vụ cho quản lý của Nhà nước.	
<i>Kỹ năng</i>		
K3	Thực hiện đề tài nghiên cứu và viết báo cáo khoa học trong lĩnh vực quản lý đất đai	CĐR 13
K4	Thực hiện thành thạo công tác đăng ký, thống kê đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, định giá đất và lập các phương án quy hoạch	CĐR 14
<i>Năng lực tự chủ và trách nhiệm</i>		
K5	Có lập trường chính trị, tư tưởng vững vàng, ý thức tổ chức kỷ luật tốt. Thích ứng linh hoạt với tình hình chính trị - an ninh - kinh tế - xã hội trong và ngoài nước	CĐR 17
K6	Có ý thức tự học tập, tích lũy kinh nghiệm để nâng cao trình độ	CĐR 18

III. Nội dung tóm tắt của học phần

QL03025 - Đăng ký thống kê đất đai – Land registration and statistic (2TC:1,5-0,5-4). Đăng ký đất và tài sản gắn liền với đất; cấp giấy chứng nhận; đăng ký biến động về đất và tài sản gắn liền với đất; lập và quản lý hồ sơ địa chính; thống kê đất đai. Học phần học trước: QL03028 – Quản lý Nhà nước về đất đai.

IV. Phương pháp giảng dạy và học tập

1. Phương pháp giảng dạy

- 1) Thuyết giảng trên lớp
- 2) Tổ chức thảo luận, thuyết trình theo nhóm
- 3) Giảng dạy thông qua thực hành

2. Phương pháp học tập

- 1) Nghe giảng trên lớp
- 2) Thảo luận trên lớp
- 3) Đọc tài liệu ở nhà trước khi đến lớp
- 4) Chuẩn bị bài thuyết trình trước lớp
- 5) Làm việc theo nhóm trong phòng thực hành

V. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải tham dự lớp học tối thiểu 75% số giờ lý thuyết.
- Chuẩn bị cho bài giảng: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải đọc tài liệu tham khảo và bài giảng trước khi đến lớp học
- Thuyết trình và Thảo luận: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải tham gia thảo luận các chủ điểm học tập trên lớp, chia nhóm tham gia trả lời các câu hỏi nhanh sau mỗi bài giảng, tham gia chuẩn bị thuyết trình ở nhà và thuyết trình trên lớp
- Thực hành: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải tham dự tất cả các buổi thực hành, tiến hành các thí nghiệm theo nhóm 4 - 5 sinh viên. Có đủ 3 bài thực hành theo nhóm.
- Thi giữa kì: Sinh viên có 1 bài kiểm tra giữa kỳ trên lớp

- Thi cuối kì: Một bài thi.

VI. Đánh giá và cho điểm

1.Thang điểm: 10

2. Điểm cuối kì là điểm tổng hợp của những điểm thành phần theo tỷ lệ như sau:

- Điểm chuyên cần: 10 %
- Điểm thuyết trình/Điểm kiểm tra giữa kì + Thực hành: 30 %
- Điểm kiểm tra cuối kì: 60 %

3.Phương pháp đánh giá

Rubric đánh giá	Nội dung/Tiêu chí đánh giá	KQHTMD được đánh giá	Trọng số (%)	Thời gian/Tuần học
Chuyên cần			10	
Quan sát	Tích cực tham gia trên lớp	K5, K6	5	1-7
Bài tập	Chuẩn bị bài ở nhà	K5, K6	5	1-7
Đánh giá quá trình			30	
Thuyết trình	<ul style="list-style-type: none"> - Mục đích của đăng ký đất đai - Phân tích mối quan hệ hữu cơ giữa đăng ký đất đai với các nội dung quản lý nhà nước về đất đai khác - Điều kiện để người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà được cấp giấy chứng nhận - Tình huống cấp giấy chứng nhận - Quy trình đăng ký biến động đất đai - So sánh thống kê và kiểm kê đất đai 	<i>K1, K2, K3, K4</i>	10	1-7
Thực hành	Lập và chỉnh lý hồ sơ địa chính Lập biểu mẫu và báo cáo thuyết minh thống kê, kiểm kê	<i>K1, K2, K3, K4</i>	10	Theo lịch thực hành
Kiểm tra giữa kì	Bài kiểm tra trên lớp	<i>K1, K2, K3, K4</i>	10	5-7
Cuối kì			60	
Kiểm tra cuối kì	Bài kiểm tra trên lớp	<i>K1, K2, K3, K4</i>	60	Theo lịch thi HV

Các rubric đánh giá

Rubric 1: Quan sát (tham dự lớp)

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 100%	Khá 75%	Trung bình 50%	Kém 0%
Thái độ tham dự	50	Luôn chú ý và tham gia các	Khá chú ý, có tham gia	Có chú ý, ít tham gia	Không chú ý/không tham

		hoạt động			gia
Thời gian tham dự	50	Tham dự 75% buổi học trở lên	Tham dự từ 50 -75% buổi học	Tham dự từ 30 -50% buổi học	Tham dự dưới 30% buổi học

Rubric 2: Bài tập (chuẩn bị ở nhà)

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 100%	Khá 75%	Trung bình 50%	Kém 0%
Nội dung	30	Cập nhật tốt, đầy đủ	Có cập nhật, đầy đủ	Có nội dung	Không chuẩn bị
Trình bày	40	Phân tích, đánh giá tốt	Phân tích, đánh giá khá tốt	Phân tích, đánh giá khi tốt, khi chưa tốt	Phân tích, đánh giá chưa tốt
Chất lượng đóng góp ý kiến	40	Sáng tạo, phù hợp	Phù hợp	Có khi phù hợp, có khi chưa phù hợp	Không phù hợp

Rubric 3. Đánh giá thuyết trình (theo nhóm)

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 100%	Khá 75%	Trung bình 50%	Kém 0%
Nội dung	10	Phong phú hơn yêu cầu	Đầy đủ theo yêu cầu	Khá đầy đủ, còn thiếu 1 nội dung quan trọng	Thiếu nhiều nội dung quan trọng
	20	Chính xác, khoa học	Khá chính xác, khoa học, còn vài sai sót nhỏ	Tương đối chính xác, khoa học, còn 1 sai sót quan trọng	Thiếu chính xác, khoa học, nhiều sai sót quan trọng
Cấu trúc và tính trực quan	10	Cấu trúc bài và slides rất hợp lý	Cấu trúc bài và slides khá hợp lý	Cấu trúc bài và slides tương đối hợp lý	Cấu trúc bài và slides chưa hợp lý
	10	Rất trực quan và thẩm mỹ	Khá trực quan và thẩm mỹ	Tương đối trực quan và thẩm mỹ	Ít/Không trực quan và thẩm mỹ
Kỹ năng trình bày	10	Dẫn dắt vấn đề và lập luận lôi cuốn, thuyết phục	Trình bày rõ ràng nhưng chưa lôi cuốn, lập luận khá thuyết phục	Khó theo dõi nhưng vẫn có thể hiểu được các nội dung quan trọng	Trình bày không rõ ràng, người nghe không thể hiểu được các nội dung quan trọng
Tương tác cử chỉ	10	Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt	Tương tác bằng mắt và cử chỉ khá tốt	Có tương tác bằng mắt, cử chỉ nhưng chưa tốt	Không tương tác bằng mắt và cử chỉ
Quản	10	Làm chủ thời	Hoàn thành đúng	Hoàn thành đúng	Quá giờ

lý thời gian		gian và hoàn toàn linh hoạt điều chỉnh theo tình huống	thời gian, thỉnh thoảng có linh hoạt điều chỉnh theo tình huống.	thời gian, không linh hoạt theo tình huống.	
Trả lời câu hỏi	10	Các câu hỏi đặt đúng đều được trả lời đầy đủ, rõ ràng, và thỏa đáng	Trả lời đúng đa số câu hỏi đặt đúng và nêu được định hướng phù hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời được	Trả lời đúng đa số câu hỏi đặt đúng nhưng chưa nêu được định hướng phù hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời được	Không trả lời được đa số câu hỏi đặt đúng
Sự phối hợp trong nhóm	10	Nhóm phối hợp tốt, thực sự chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	Nhóm có phối hợp khi báo cáo và trả lời nhưng còn vài chỗ chưa đồng bộ	Nhóm ít phối hợp trong khi báo cáo và trả lời	Không thể hiện sự kết nối trong nhóm

Rubric 4: Đánh giá bài tập thực hành

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 100%	Khá 75%	Trung bình 50%	Kém 0%
Thái độ tham dự	20	Tích cực và chia sẻ	Có tham gia và chia sẻ	Không tích cực tham và chia sẻ	Không tham gia và chia sẻ
Kết quả thực hành	40	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng hoàn toàn các yêu cầu	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng khá tốt các yêu cầu, còn sai sót nhỏ	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng tương đối các yêu cầu, có 1 sai sót quan trọng	Kết quả thực hành không đầy đủ/Không đáp ứng yêu cầu
	30	Giải thích và chứng minh rõ ràng	Giải thích và chứng minh khá rõ ràng	Giải thích và chứng minh tương đối rõ ràng	Giải thích và chứng minh không rõ ràng
Báo cáo thực hành	10	Đúng format và đúng hạn	Điểm tùy theo mức độ đáp ứng		

Rubric 5: Đánh giá giữa kì

Nội dung kiểm tra	Chỉ báo thực hiện của học phần được đánh giá qua câu hỏi	KQHTMD của môn học được đánh giá qua câu hỏi
Chương 1	Chỉ báo 1: Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất	K1, K2

Chương 2	Chỉ báo 2: Cấp giấy chứng nhận	K1, K2
Chương 3	Chỉ báo 3: Đăng ký biến động	K1, K2

Rubric 6: Đánh giá cuối kì

Nội dung kiểm tra	Chỉ báo thực hiện của học phần được đánh giá qua câu hỏi	KQHTMD của môn học được đánh giá qua câu hỏi
Chương 1	Chỉ báo 1: Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất	K1, K2
Chương 2	Chỉ báo 2: Cấp giấy chứng nhận	K1, K2
Chương 3	Chỉ báo 3: Đăng ký biến động	K1, K2
Chương 4	Chỉ báo 4: Hồ sơ địa chính	K1, K2
Chương 5	Chỉ báo 5: Thống kê đất đai	K1, K2

4. Các yêu cầu, quy định đối với học phần

Tham dự các bài thi: Không tham gia bài thi giữa kì sẽ bị nhận điểm 0 giữa kỳ

Tham dự thực hành: Không tham dự thực hành sẽ không được dự thi cuối kỳ và nhận điểm 0 chuyên cần

Tham dự thuyết trình: Không tham dự thuyết trình sẽ nhận điểm 0 chuyên cần

Yêu cầu về đạo đức: Có thái độ học tập nghiêm túc, đúng mực

VII. Giáo trình/ tài liệu tham khảo

*** Sách giáo trình/Bài giảng:**

Nguyễn Thị Thu Hương (2017), Bài giảng đăng ký thống kê đất đai (Bản word và bản ppt cung cấp từ đầu học kỳ)

*** Tài liệu tham khảo khác:**

1. Quốc hội (2013), Luật Đất đai 2013
2. Chính phủ (2014), Nghị định 43/2014/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.
3. Chính phủ (2017), Nghị định 01/2017/NĐ-CP sửa đổi bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai
4. Bộ tài nguyên và môi trường (2014), Thông tư 23/2014/TT-BTNMT quy định về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất.
5. Bộ tài nguyên và môi trường (2014), Thông tư 24/2014/TT-BTNMT quy định về hồ sơ địa chính.
6. Bộ tài nguyên và môi trường (2014), Thông tư 25/2014/TT-BTNMT quy định về bản đồ địa chính.
7. Bộ tài nguyên và môi trường (2014), Thông tư 28/2014/TT-BTNMT quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất.

8. Bộ tài nguyên và môi trường (2017), Thông tư 33/2017/TT-BTNMT quy định chi tiết nghị 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai.

VIII. Nội dung chi tiết của học phần

Tuần	Nội dung	KQHTMD của học phần
1	Chương 1: Đăng ký đất và tài sản gắn liền với đất	
	A/ Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (3 tiết) Nội dung GD lý thuyết: (2 tiết) 1.1. Đăng ký đất và tài sản gắn liền với đất tại Việt Nam trong thời kỳ trước 1.2. Đăng ký đất và tài sản gắn liền với đất tại Việt Nam hiện nay 1.2.1. Khái niệm về Đăng ký đất đai và tài sản gắn liền với đất 1.2.2. Vai trò của đăng ký đất và tài sản gắn liền với đất 1.2.3. Đặc điểm – Yêu cầu của đăng ký đất và tài sản gắn liền với đất	K1, K2, K3, k4, K5, K6
	Nội dung semina/thảo luận: (1 tiết) Mục đích của đăng ký đất đai	K1, K2, K3, k4, K5, K6
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 tiết) Các giai đoạn của đăng ký đất đai, đối tượng đăng ký của từng giai đoạn, nội dung thông tin đăng ký đất đai.	K1, K2, K3, k4, K5, K6

2	<p>A/ Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (3 tiết) Nội dung GD lý thuyết: (2 tiết) 1.3. Đăng ký quyền sử dụng đất 1.3.1. Đối tượng đăng ký quyền sử dụng đất 1.3.2. Người chịu trách nhiệm kê khai đăng ký quyền sử dụng đất 1.4. Đăng ký quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất 1.4.1. Tài sản được đăng ký quyền sở hữu 1.4.2. Đối tượng đăng ký quyền sở hữu tài sản 1.5. Đăng ký đất và tài sản gắn liền với đất trên thế giới</p> <p>Nội dung semina/thảo luận: (1 tiết) Phân tích mối quan hệ hữu cơ giữa đăng ký đất đai với các nội dung quản lý nhà nước về đất đai khác</p>	K1, K2, K3, k4, K5, K6
	<p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 tiết) Hệ thống đăng ký địa bạ Hệ thống đăng ký bằng khoán</p>	K1, K2, K3, k4, K5, K6
3	<p>Chương 2: Cấp giấy chứng nhận</p> <p>A/ Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (3 tiết) Nội dung GD lý thuyết: (2 tiết) 2.1. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất 2.2. Đối tượng được cấp giấy chứng nhận 2.3. Nguyên tắc cấp giấy chứng nhận và căn cứ thực hiện cấp giấy chứng nhận</p> <p>Nội dung semina/thảo luận: (1 tiết) Điều kiện để người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà được cấp giấy chứng nhận</p>	K1, K2, K3, k4, K5, K6
	<p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 tiết) Nội dung thể hiện trên giấy chứng nhận</p>	K1, K2, K3, k4, K5, K6

4	<p>A/ Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (2 tiết) 2.4. Thẩm quyền cấp giấy chứng nhận và chỉnh lý biến động trên giấy chứng nhận 2.5. Thủ tục cấp giấy chứng nhận 2.5.1. Cấp giấy chứng nhận lần đầu 2.5.2. Chỉnh lý giấy chứng nhận đã cấp 2.6. Quản lý giấy chứng nhận</p> <p>Nội dung semina/thảo luận: (1 tiết) Tình huống cấp giấy chứng nhận</p>	
	<p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 tiết) Các trường hợp không được cấp giấy chứng nhận. Hồ sơ cấp giấy chứng nhận</p>	K1, K2, K3, K4, K5, K6
5	<p>Chương 3: Đăng ký biến động về đất và tài sản gắn liền với đất</p>	
	<p>A/ Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (3 tiết) Nội dung GD lý thuyết: (2 tiết) 3.1. Mục đích, yêu cầu và nguyên tắc đăng ký biến động 3.2. Đối tượng và trường hợp đăng ký biến động 3.3. Trách nhiệm đăng ký biến động 3.4. Quy trình đăng ký biến động 3.5. Thủ tục đăng ký biến động</p> <p>Nội dung semina/thảo luận: (1 tiết) Quy trình đăng ký biến động đất đai</p>	K1, K2, K3, K4, K5, K6
	<p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (7 tiết) Trình tự đăng ký biến động các trường hợp cụ thể</p>	K1, K2, K3, K4, K5, K6
6	<p>Chương 4: Lập và quản lý hồ sơ địa chính</p>	
	<p>A/ Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (3 tiết) Nội dung GD lý thuyết: (2 tiết) 4.1. Hồ sơ địa chính 4.1.1. Khái niệm – Nguyên tắc 4.1.2. Yêu cầu – Phân loại hồ sơ địa chính 4.1.3. Lập, nghiệm thu và bảo quản hồ sơ địa chính</p>	K1, K2, K3, K4, K5, K6

	<p>4.2. Lập hồ sơ địa chính</p> <p>4.2.1. Lập hồ sơ địa chính giấy</p> <p>4.2.2. Xây dựng hồ sơ địa chính số</p> <p>4.3. Quản lý và sử dụng hồ sơ địa chính</p> <p>4.3.1. Căn cứ - Nguyên tắc chỉnh lý, cập nhập biến động trên hồ sơ địa chính</p> <p>4.3.2 Quy trình chỉnh lý và cập nhập biến động</p> <p>4.3.3 Khai thác hồ sơ địa chính trong quản lý đất đai</p> <p>Nội dung semina/thảo luận: (1 tiết)</p> <p>Quy trình đăng ký biến động đất đai</p> <p>Nội dung giảng dạy thực hành/thực nghiệm: (10 tiết)</p> <p>Lập hồ sơ địa chính (8 tiết)</p> <p>Chỉnh lý hồ sơ địa chính (2 tiết)</p>	
	<p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (7 tiết)</p> <p>Nội dung các tài liệu trong hồ sơ địa chính</p>	<p>K1, K2, K3, K4, K5, K6</p>
<p>7</p>	<p>Chương 5: Thống kê đất đai</p> <p>A/ Tóm tắt các nội dung chính trên lớp:(3 tiết)</p> <p>Nội dung GD lý thuyết: (3 tiết)</p> <p>5.1. Quy định chung về thống kê đất đai</p> <p>5.1.1. Đối tượng và mục đích của thống kê đất đai</p> <p>5.1.2. Yêu cầu và nhiệm vụ của thống kê đất đai</p> <p>5.1.3. Nguyên tắc thực hiện thống kê đất đai</p> <p>5.1.4. Hình thức và phương pháp thống kê đất đai</p> <p>5.1.5. Thời điểm và thời hạn thống kê đất đai</p> <p>5.1.6. Đơn vị thống kê đất đai</p> <p>5.1.7. Trình tự thực hiện thống kê đất đai</p> <p>5.2. Kết quả thống kê đất đai</p> <p>5.2.1. Kết quả thống kê đất đai</p> <p>5.2.2. Nội dung báo cáo thống kê đất đai</p>	<p>K1, K2, K3, K4, K5, K6</p>

	<p>5.2.3. Biểu mẫu thống kê đất đai</p> <p>5.2.4. Xác nhận và công bố kết quả thống kê đất đai</p> <p>5.3. Chỉ tiêu thống kê đất đai</p> <p>5.3.1. Chỉ tiêu mục đích sử dụng</p> <p>5.3.2. Chỉ tiêu người sử dụng, người quản lý đất</p> <p>Nội dung giảng dạy thực hành/thực nghiệm: (5 tiết)</p> <p>Lập biểu mẫu thống kê, kiểm kê đất đai</p> <p>Lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất</p>	
	<p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (7 tiết)</p> <p>Nội dung các chỉ tiêu thống kê, kiểm kê đất đai</p>	K1, K2, K3, K4, K5, K6
8	<p>Nội dung semina/thảo luận: (1,5 tiết)</p> <p>So sánh thống kê và kiểm kê đất đai</p>	K1, K2, K3, K4, K5, K6

IX. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần:

- Phòng học, thực hành: Phòng học và phòng thực sạch sẽ, đủ sức chứa.
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Máy chiếu, phấn, bảng, bút chỉ, loa, mic
- Các phương tiện khác: Không

TRƯỞNG BỘ MÔN
(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Văn Quân
TRƯỞNG KHOA
(Ký và ghi rõ họ tên)

Hà Nội, ngày.....tháng.....năm.....
GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN
(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Thu Hương
DUYỆT CỦA HỌC VIỆN
(Ký và ghi rõ họ tên)

**PHỤ LỤC: DANH SÁCH GIẢNG VIÊN, GIẢNG VIÊN HỖ TRỢ CÓ THỂ THAM GIA
GIẢNG DẠY HỌC PHẦN**

Giảng viên phụ trách môn học

Họ và tên: Đỗ Thị Đức Hạnh	Học hàm, học vị: Tiến sĩ
Địa chỉ cơ quan: Trâu Quỳ – Gia Lâm – Hà Nội	Điện thoại liên hệ: 0989.055.956
Email: dtdhanh@vnua.edu.vn	Trang web http://qldd.vnua.edu.vn/vi/tn-qldd.html
Cách liên lạc với giảng viên:	email; điện thoại, gặp trực tiếp

Họ và tên: Nguyễn Thị Thu Hương	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: Trâu Quỳ – Gia Lâm – Hà Nội	Điện thoại liên hệ: 0982420081
Email: ntthuongtnmt@vnua.edu.vn	Trang web http://qldd.vnua.edu.vn/vi/tn-qldd.html
Cách liên lạc với giảng viên:	email; điện thoại, gặp trực tiếp

Giảng viên hỗ trợ môn học/trợ giảng (nếu có)

Họ và tên: Vũ Thanh Biên	Học hàm, học vị: kỹ sư
Địa chỉ cơ quan: Trâu Quỳ – Gia Lâm – Hà Nội	Điện thoại liên hệ: 0973.367.356
Email: vtbien@vnua.edu.vn	Trang web http://qldd.vnua.edu.vn/vi/tn-qldd.html
Cách liên lạc với giảng viên:	email; điện thoại, gặp trực tiếp

